

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



HỆ THỐNG TRƯỜNG LỚP TUYỂN SINH TRUNG HỌC NĂM HỌC 2022-2023



NHA THÊ THAO ĐA NĂNG - TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT, TRUNG TÂM GDNN-GDTX, TRUNG TÂM GDTX, PHÂN HIỆU GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC NĂM HỌC 2022-2023

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú (*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
				Thi tuyển	Xét tuyển	
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC						
1	THPT Thủ Đức (★:2020)	166/24 Đặng Văn Bi, khu phố 1, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức.	810	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
2	THPT Nguyễn Hữu Huân	11 Đoàn Kết, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức.	660	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trong đó có tuyển 5 lớp chuyên (Toán, Lý, Hóa, tiếng Anh, Văn)-175 học sinh; Có 02 lớp dạy chương trình tích hợp-70 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
3	THPT Tam Phú (★: 2021)	31 Phú Châu, KP5, Phường Tam Phú, TP. Thủ Đức.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
4	THPT Hiệp Bình (★: 2021)	63 Hiệp Bình, KP6, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
5	THPT Đào Sơn Tây (★: 2021)	53/5 đường 10 khu phố 3, Phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức.	765	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
6	THPT Linh Trung	Đường số 16, KP1, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức.	855	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
7	THPT Bình Chiểu	Đường Lê Thị Hoa, KP3, Phường Bình Chiểu, TP. Thủ Đức	810	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
8	THPT Giồng Ông Tố	200/10 Nguyễn Thị Định, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức.	450	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
9	THPT Thủ Thiêm (★: 2021)	01 đường Vũ Tông Phan, Phường An Phú, TP. Thủ Đức.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
10	THPT Nguyễn Huệ (★: 2021)	Nguyễn Văn Tăng, Phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
11	THPT Long Trường (★: 2021)	309 Võ Văn Hát, Phường Phước Long, TP. Thủ Đức.	765	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
12	THPT Phước Long	Dương Đình Hội, khu phố 6, Phường phước Long B, TP. Thủ Đức.	540	x		Trường công lập (*), tăng cường tiếng Anh.
13	THPT Nguyễn Văn Tăng (★: 2022)	Đường số 1, KP Tái định cư Long Bình, Phường Long Bình, TP. Thủ Đức.	765	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
14	THPT Dương Văn Thị	Đường Lê Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức.	495	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
15	Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic	Khuôn viên trường Đại học TDTT thành phố Hồ Chí Minh, Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức.	40		x	Trường công lập trực thuộc Trường Đại học Thể dục Thể thao thành phố Hồ Chí Minh, tuyển sinh riêng.
16	THPT An Dương Vương	CS 2: Đường số 3, KP6, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức; CS 1: 51/4 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú.	294		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 6.100.000đ/tháng, Phí bán trú - 3.000.000đ/tháng.
17	THPT Bách Việt	653 Quốc lộ 13, KP3, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức.	180		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 3.650.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.600.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.950.000đ/tháng.
18	THCS và THPT Hoa Sen	CS 1: 26 Phan Chu Trinh, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức; CS 2: 674/7 Xa lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức; CS 3: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức.	900		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.750.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.140.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.280.000đ/tháng.
19	THCS và THPT Nguyễn Khuyến (★:2017)	CS 2: Khu phố 5, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức; CS 1: 136 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình. (cơ sở này không tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023).	585		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.210.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.400.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.840.000đ/tháng.
20	Tiểu học, THCS và THPT Emasi Vạn Phúc	Số 2 đường số 5, Khu DT Vạn Phúc. Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức.	120		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 24.490.000đ/tháng, Phí bán trú - 4.070.000đ/tháng.
21	Trường Song ngữ Quốc tế Horizon	Số 6-6A-8 Đường 44, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức.	40		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú Học phí: 26.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 8.670.000 đ/tháng, Phí bán trú - 1.600.000đ/tháng.
22	Tiểu học, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm (★:2017)	CS 1: 65D Hồ Bà Phấn, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức; CS 2: 2A Phan Văn Trị, Phường 10, Quận Gò Vấp; CS 3: KDC Hoàng Nam, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.	1.280		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 3.300.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.700.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.950.000đ/tháng.
23	Hệ trung cấp trong trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	53 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức.	270		x	Trường công lập. Công nghệ kỹ thuật cơ khí (50), Bảo trì và sửa chữa ô tô (50), Điện công nghiệp và dân dụng (50), Quản lý và kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống (50), Quản lý và bán hàng siêu thị (20), Kế toán doanh nghiệp (50). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/03/2022.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
24	Trung tâm GDNN-GDTX Thành phố Thủ Đức	CS 1: 153/1 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức; CS 2: 45 Phan Bá Vành, Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức; CS 3: Đường Đinh Phong Phú, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức.	990		x	Thu theo quy định.
25	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	15/11 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức.	300		x	Thu theo quy định.
QUẬN 1						
26	THPT Bùi Thị Xuân	73-75 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1.	745	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trong đó có 02 lớp dạy chương trình tích hợp-70 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
27	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	CS 1: 53 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1; CS 2: P2 Khu Tái định cư 38,4ha, Phường An Khánh, TP. Thủ Đức.	545	x		Trường chuyên, Chuyên-315 học sinh gồm các lớp chuyên (Văn, Toán, Lý, Hóa, Sinh, Anh, Tin); Học sinh chuyên miễn học phí. Học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Có 01 lớp Ngoại ngữ 1 Tiếng Đức (ngoại ngữ 2 là tiếng Anh), tiếng Pháp (ngoại ngữ 2), Có 03 lớp dạy chương trình tích hợp-105 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
28	THPT Trưng Vương	3A Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Tiếng Nhật (ngoại ngữ 1).
29	THPT Năng khiếu Thể dục thể thao	43 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1.	210	x		Trường công lập (*).
30	THPT TenLôMan (★:2020)	8 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1.	540	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
31	THPT Lương Thế Vinh (★:2020)	131 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1.	340	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trong đó có 03 lớp dạy chương trình tích hợp-105 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
32	THCS và THPT Đặng Khoa	CS 1: 571 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1; CS 2: 72 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	225		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.090.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.335.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.420.000đ/tháng.
33	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	CS 2: 4 Thái Văn Lung, Phường Bến Nghé, Quận 1; CS 5: 149-151-153-155 Võ Oanh, Phường 25, Quận Bình Thạnh; CS 7: 226A Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3; CS 8: 29-31 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1; CS 9: 18A2 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình; CS 10: 177Bis Cao Thắng, Phường 12, Quận 10; CS 11: 117/11-19, 179-185 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, TP. Thủ Đức.	760		x	Trường tư thục. Bán trú. Học phí: 18.511.000đ/tháng.
34	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 1	112 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1.	150		x	Thu theo quy định.
35	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lê Quý Đôn	92 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1.	90		x	Thu theo quy định.
36	Phân hiệu BTVH Nhạc Viện TP.HCM	112 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1.	50		x	Thu theo quy định.
QUẬN 3						
37	THPT Lê Quý Đôn (★★:2020)	110 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	560	x		Trường công lập (*), tăng cường tiếng Anh, tiếng Nhật (ngoại ngữ 1). Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Thay thế Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố).
38	THPT Nguyễn Thị Minh Khai (★:2020)	275 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	690	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, Song ngữ tiếng Pháp (FIEF), tăng cường tiếng Pháp, Có 01 lớp dạy chương trình tích hợp-35 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố
39	THPT Marie Curie	159 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	1.200	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh, tăng cường tiếng Pháp, tiếng Nhật (ngoại ngữ 1); tiếng Đức (ngoại ngữ 1); Song ngữ tiếng Pháp (FIEF). Khoản thu dự án kích cầu: 210.000đ/hs/tháng.
40	THPT Nguyễn Thị Diệu (★:2017)	12 Trần Quốc Toản, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
41	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	147 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	450	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
42	Tiểu học, THCS và THPT Tây Úc	157 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	150		x	Trường tư thực, tăng cường tiếng Anh. Bán trú. Day chương trình tích hợp Bang Tây Úc theo Quyết định số 5337/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 2.700.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 6.500.000đ/tháng.
43	Tiểu học, THCS và THPT Úc Châu (Cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	50 Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.	22		x	Trường tư thực. Học phí: 5.430.000đ/tháng
44	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 3	204 Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3.	200		x	Thu theo quy định.
45	TT Bảo trợ dạy nghề và đào tạo việc làm TP	215 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3	12		x	Thu theo quy định.
QUẬN 4						
46	THPT Nguyễn Trãi	364 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
47	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Số 2 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4.	765	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
48	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 4	64-66 Nguyễn Khoái, Quận 4.	170		x	Thu theo quy định.
QUẬN 5						
49	THPT Hùng Vương (★:2020)	124 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 5.	1.080	x		Trường công lập (*), tăng cường tiếng Anh, tăng cường tiếng Trung.
50	THPT Chuyên Lê Hồng Phong (★:2020)	235 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5.	890	x		Trường chuyên (*), học 2 buổi/ngày, có các lớp chuyên (Văn, Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Sử, Địa, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Pháp) - 595 học sinh; Học sinh chuyên miễn học phí. Có lớp song ngữ tiếng Pháp (FIEF); Có 02 lớp dạy chương trình tích hợp-70 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
51	Phổ thông Năng khiếu	CS 1: 153 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5 CS 2: Khu Đô Thị Đại Học Quốc Gia, Khu Phố 6, Linh Trung, TP. Thủ Đức.	595	x		Trường công lập trực thuộc Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, tuyển sinh riêng; Có các lớp chuyên gồm (Văn, Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tiếng Anh, Tin, Chuyên Khoa học tự nhiên và công nghệ, Chuyên Khoa học xã hội) - 595 học sinh.
52	Trung học Thực hành Sài Gòn	220 Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận 5.	140	x		Trường công lập (*), trực thuộc Đại học Sài Gòn. Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Thay thế Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố).
53	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5.	350	x		Trường công lập, trực thuộc Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
54	THPT Trần Khai Nguyên (★:2022)	225 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5.	720	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Trung.
55	THPT Trần Hữu Trang (★:2021)	276 Trần Hưng Đạo B, Phường 11, Quận 5.	360	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
56	THCS và THPT An Đông	91 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5.	270		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Bán trú. Học phí: 1.800.000đ/tháng, Phí bán trú - 900.000đ/tháng.
57	THPT Thăng Long (tên cũ là THPT Dân lập Thăng Long, cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục sau khi đổi tên).	CS 1: 114-116 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5; CS 3: 24 đường 45 (số cũ: 12/8 Phan Huy Ích) Phường 14, Quận Gò Vấp.	350		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 850.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 1.550.000đ/tháng, Phí nội trú - 2.500.000đ/tháng, Phí bán trú - 800.000đ/tháng.
58	THPT Văn Lang	Số 2 - 4 Tân Thành, Phường 12, Quận 5.	90		x	Trường tư thực. Bán trú. Ngoại ngữ Anh - Trung. Học phí: 4.896.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.900.000đ/tháng.
59	THCS và THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	CS 1: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5; CS 2: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận.	200		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 4.396.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.200.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.500.000đ/tháng.
60	THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm	28-30 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 5.	420		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.400.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.600.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.900.000đ/tháng.
61	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 5	770 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5.	40		x	Thu theo quy định.
62	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An	546 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5.	360		x	Thu theo quy định.
QUẬN 6						
63	THPT Mạc Đĩnh Chi (★:2020)	04 Tân Hòa Đông, Phường 14, Quận 6.	1.020	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày. Trong đó có tuyển 6 lớp chuyên (Toán, Lý, Hóa, tiếng Anh, Sinh, Văn)-210 học sinh.
64	THPT Bình Phú (★:2022)	102 Trần Văn Kiêu, Phường 10, Quận 6.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
65	THPT Nguyễn Tất Thành (★:2020)	249C Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6.	720	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
66	THPT Phạm Phú Thứ (★:2022)	425-435 đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
67	THPT Quốc Trí	313 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6.	400		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.250.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.838.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.813.000đ/tháng.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
68	THCS và THPT Phan Bội Châu. (Cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	293-299 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6.	105		x	Trường tư thực. Học phí: 950.000đ/tháng.
69	THCS và THPT Đào Duy Anh. (Cơ sở đang sửa chữa, cải tạo).	355 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6.	100		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.690.000đ/tháng, Phí nội trú - 6.090.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.890.000đ/tháng.
70	Hệ Trung cấp trong trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	215-217 Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6.	925		x	Trường công lập. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (30), Điện tử dân dụng (30), Công nghệ kỹ thuật nhiệt (60), Điện công nghiệp và dân dụng (150), Công nghệ may và thời trang (90), Tin học ứng dụng (90), Kế toán doanh nghiệp (110), Bảo trì và sửa chữa ô tô (90), Cơ khí chế tạo (90), Thiết kế và quản lý website (60), Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông (30), Quản trị mạng máy tính (30), Tài chính doanh nghiệp (30), Bảo trì và sửa chữa khung, vỏ ô tô (35). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/02/2022.
71	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	743/15, Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6.	250		x	Thu theo quy định.
QUẬN 7						
72	THPT Lê Thánh Tôn (★: 2021)	124 Đường 17, Phường Tân Kiểng, Quận 7.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
73	THPT Ngô Quyền	1360 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Mỹ, Quận 7.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
74	THPT Tân Phong (★:2018)	15F Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
75	THPT Nam Sài Gòn	khu A, Đô thị mới Nam Sài Gòn, Trần Văn Trà, Quận 7.	225	x		Trường công lập; học 2 buổi. Học phí 600.000 đồng/hs/tháng
76	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7.	24	x		Trường công lập trực thuộc Trường Đại học Tôn Đức Thắng, tuyển sinh riêng.
77	THCS và THPT Đinh Thiện Lý	Lô P1, Khu A, ĐTM Nam Thành phố, Phường Tân Phong, Quận 7.	288		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 16.178.000đ/tháng.
78	THCS và THPT Sao Việt	650/15Q Nguyễn Hữu Thọ, KDC Him Lam, P. Tân Hưng, Quận 7.	200		x	Trường tư thực. Bán trú.
79	THCS và THPT Đức Trí	CS 1: 39/23 Bui Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7; CS 2: 742/10 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận.	520		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.700.000đ/tháng.
80	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Canada	Số 86 đường 23, Phường Tân Phú, Quận 7.	150		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Dạy chương trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, dạy bổ sung chương trình PT Ontario Canada theo Văn bản số 2594/GDDT-TrH của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố. Học phí: 31.519.000đ/tháng.
81	Tiểu học, THCS và THPT Emasi Nam Long	147 đường số 8, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7.	48		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 28.160.000đ/tháng.
82	Tiểu học, THCS và THPT Hoàng Gia	CS 2: 08 Đặng Đại Độ, Phường Tân Phong, Quận 7; CS 3: 02 Đường D2, Phường An Lạc, Quận Bình Tân. (Cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	240		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 12.500.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.500.000đ/tháng.
83	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	500 - 502 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7.	1.550		x	Trường công lập. Cơ khí chế tạo (70), Cơ khí động lực (160), Kinh doanh xuất nhập khẩu (30), Tài chính - Ngân hàng (30), Kế toán doanh nghiệp (70), Logistics (70), Điện công nghiệp và dân dụng (70), Bảo trì và sửa chữa thiết bị nhiệt (70), Thiết kế thời trang (35), Tin học ứng dụng (70), Thiết kế và quản lý Website (80), Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính (70), Điện tử công nghiệp (25), Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (25), Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động (25), Quản lý tòa nhà (25), Thương mại điện tử (25), Công nghệ kỹ thuật nội thất và điện nước công trình (20), Quản lý và bán hàng siêu thị (70), Truyền thông đa phương tiện (30), Công nghệ kỹ thuật hệ thống năng lượng mặt trời (25), Thiết kế đồ họa (70), Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp (70), Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (50), Quản trị mạng máy tính (70), Công nghệ ô tô (70), Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp (20), Hành chính logistics (35), Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (35), Hướng dẫn du lịch (35). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/01/2022
84	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 7	27/3 Khu phố 3, Đường Số 10, Phường Bình Thuận, Quận 7.	350		x	Thu theo quy định.
QUẬN 8						
85	THPT Lương Văn Can (★: 2021)	173 Phạm Hùng, Phường 4, Quận 8.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
86	THPT Ngô Gia Tự	360E Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
87	THPT Tạ Quang Bửu (★ ★:2021)	909 Tạ Quang Bửu, 73, Phường 5, Quận 8.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
88	THPT Chuyên Năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định (★: 2021)	215 Đường 41, Phường 16, Quận 8.	635	x		Trường chuyên Thể dục thể thao (*), học 2 buổi/ngày. Trong đó có 04 lớp chuyên năng khiếu TDTT - 140 học sinh.
89	THPT Nguyễn Văn Linh	02 đường 3154 Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8.	765	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
90	THPT Võ Văn Kiệt	629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
91	Hệ trung cấp trường Cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn	47 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8.	570		x	Trường công lập. Thiết kế đồ họa (20), Kế toán doanh nghiệp (30), Quản lý doanh nghiệp (15), Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính (20), Tin học ứng dụng (20), Quản trị mạng máy tính (20), Công nghệ kỹ thuật cơ khí (20), Công nghệ ô tô (20), Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử (15), Bảo trì và sửa chữa ô tô (150), Điện công nghiệp và dân dụng (15), Hướng dẫn du lịch (25), Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (70), Kỹ thuật chế biến món ăn (70), Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp (30), Chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ (30). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2022.
92	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 8	3-5 Huỳnh Thị Phụng, Phường 4, Quận 8.	300		x	Thu theo quy định.
QUẬN 10						
93	THPT Nguyễn Du (★:2021)	XX1 Đồng Nai - Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10.	595	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Thay thế Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố).
94	THPT Nguyễn Khuyến (★:2021)	50 Thành Thái, Phường 12, Quận 10.	675	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
95	THPT Nguyễn An Ninh (★:2016)	93 Trần Nhân Tôn, Phường 2, Quận 10.	675	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày; tăng cường tiếng Anh.
96	THCS và THPT Diên Hồng (★: 2022)	11 Thành Thái, Phường 14, Quận 10.	450	x		Trường công lập (*).
97	THCS và THPT Suông Nguyệt Anh (★: 2021)	249 Hòa Hảo, Phường 3, Quận 10.	270	x		Trường công lập (*).
98	Tiểu học, THCS và THPT Vạn Hạnh	781E Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10.	390		x	Trường tư thực. Học phí: 2.450.000đ/tháng
99	THCS và THPT Duy Tân	106 Nguyễn Giản Thanh, Phường 15, Quận 10.	120		x	Trường tư thực. Học phí: 4.400.000đ/tháng, Phí bán trú - 5.200.000đ/tháng.
100	Tiểu học, THCS và THPT Việt Úc (★:2017)	CS 1: 594 đường Ba Tháng Hai, Phường 14, Quận 10; CS 2: 202 Hoàng Văn Thụ, Quận Phú Nhuận; CS 3: Số 1, đường số 20, Khu Him Lam, Quận 7; CS 5: 168 Phan Văn Trị, Quận Gò Vấp; CS 6: 99 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, quận 7; CS 7: 10 Mai Chí Thọ, Khu ĐTM Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức.	609		x	Trường tư thực. Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Dạy chương trình tích hợp Tổ chức đánh giá Giáo dục Quốc tế Cambridge theo Quyết định số 4638/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phí: 34.784.000đ/tháng.
101	Tiểu học, THCS và THPT Hòa Bình	CS 2: 152 Nguyễn Duy Dương, Phường 3, Quận 10; CS 1: 69 Trịnh Đình Thảo, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú.	340		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 2.100.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.200.000đ/tháng.
102	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 10	367 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10.	170		x	Thu theo quy định.
QUẬN 11						
103	THPT Nguyễn Hiền (★ ★:2020)	03 Dương Đình Nghệ, Phường 8, Quận 11.	490	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Thay thế Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố).
104	THPT Trần Quang Khải	343D Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11.	810	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Trung.
105	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa (★: 2021)	269/8 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 16, Quận 11.	675	x		Trường công lập (*); Tăng cường tiếng Anh, tăng cường tiếng Trung.
106	THPT Trần Quốc Tuấn	236/10-236/12 Thái Phiên, Phường 8, Quận 11.	180		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.990.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.700.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.500.000đ/tháng.
107	Tiểu học, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký (★:2020)	CS 1: 21 Trịnh Đình Trọng, Phường 5, Quận 11; CS 2: 110 Bành Văn Trân, Phường 7, Quận Tân Bình.	988		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.855.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.455.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.550.000đ/tháng.
108	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 11	33 đường 52, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.	600		x	Thu theo quy định.
109	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT	2 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11.	80		x	Thu theo quy định.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú (*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
				Thi tuyển	Xét tuyển	
QUẬN 12						
110	THPT Thanh Lộc	Nguyễn Thị Sáu, khu phố 1, Phường Thanh Lộc, Quận 12.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
111	THPT Võ Trường Toản (★: 2021)	Nguyễn Thị Đặng, KP1, Phường Hiệp Thành, Quận 12.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
112	THPT Trường Chinh (★: 2022)	01 đường DN 11 khu phố 4, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12.	810	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
113	THPT Việt Âu	30/2 Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12.	600		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 2.300.000đ/tháng, Phí nội trú - 1.400.000đ/tháng, Phí bán trú - 350.000đ/tháng.
114	THPT Đông Dương. (Cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	103 Hà Huy Giáp, Phường Thanh Lộc, Quận 12.	120		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 2.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.200.000đ/tháng.
115	THCS và THPT Hoa Lư	201 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12.	300		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 1.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 1.090.000đ/tháng, Phí bán trú - 420.000đ/tháng.
116	THCS và THPT Bắc Sơn	CS 1: 338/24 Nguyễn Văn Quá, Phường Đông Hưng Thuận, Quận 12.	96		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 2.620.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.600.000đ/tháng.
117	THCS và THPT Lạc Hồng	CS 1: 2276/5 Quốc lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12; CS 2: 556/4 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 12.	900		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 1.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 2.900.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.000.000đ/tháng.
118	THCS và THPT Hàn Việt	70 Tân Thới Nhất 8, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12;	150		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 3.275.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.300.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.200.000đ/tháng.
119	THCS và THPT Ngọc Viễn Đông	53/1-2-3 đường ĐHT02, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12.	300		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Nội trú, bán trú. Học phí: 1.400.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.800.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.300.000đ/tháng.
120	THCS và THPT Phùng Hưng	27 đường Thanh Lộc 02, Phường Thanh Lộc, Quận 12.	180		x	Trường tư thực, học 1 buổi/ngày, học 2 buổi/ngày. Nội trú, bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 2.000.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 2.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.000.000đ/tháng.
121	Tiểu học, THCS và THPT Mỹ Việt	95 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12.	180		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 2.050.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.018.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.050.000đ/tháng.
122	Tiểu học, THCS và THPT Tuệ Đức	8 Tân Thới Nhất 17, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12.	100		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 8.600.000đ/tháng, Phí bán trú - 500.000đ/tháng.
123	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	592 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.	1.600		x	Trường công lập. Kế toán doanh nghiệp (100), Tài chính ngân hàng (25), Công nghệ kỹ thuật nhiệt (150), Thiết kế và quản lý website (175), Điện công nghiệp và dân dụng (100), Bảo trì và sửa chữa ô tô (200), Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (200), Hướng dẫn du lịch (100), Tiếng Hàn Quốc (50), Thiết kế đồ họa (100), Quản lý và bán hàng siêu thị (100), Quản trị lữ hành (100), Kỹ thuật pha chế và phục vụ đồ uống (100), Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà (100). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/3/2022.
124	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	2 Bis đường Tô Ký, Khu phố 3, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12.	900		x	Thu theo quy định.
QUẬN TÂN BÌNH						
125	THPT Nguyễn Thượng Hiền	544 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận Tân Bình.	775	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trong đó có tuyển 5 lớp chuyên (Văn, Toán, Lý, Hóa, Anh) - 175 học sinh; Có 03 lớp dạy chương trình tích hợp-105 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
126	THPT Nguyễn Chi Thanh	1A Nguyễn Hiền Lê, Phường 13, Quận Tân Bình.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
127	THPT Nguyễn Thái Bình	913-915 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
128	THPT Việt Mỹ Anh	806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình.	100		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: 17.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 10.500.000đ/tháng, Phí bán trú - 3.000.000đ/tháng.
129	THPT Thủ Khoa Huân	481/8 Trường Chinh, Phường 14, Quận Tân Bình.	180		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.500.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.300.000đ/tháng.
130	THCS và THPT Việt Thanh	261 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình.	120		x	Trường tư thực. Nội trú. Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 1.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.250.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.400.000đ/tháng.
131	THCS và THPT Bắc Ái	187 Gò Cẩm Đệm, Phường 10, Quận Tân Bình.	100		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 5.000.000đ/tháng.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
132	THCS và THPT Thái Bình	10 Trương Hoàng Thanh, Phường 12, Quận Tân Bình.	120		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 4.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.700.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.000.000đ/tháng.
133	THCS và THPT Hai Bà Trưng	51/4 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9, Quận Tân Bình.	150		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 6.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 3.000.000đ/tháng.
134	Tiểu học, THCS và THPT Thanh Bình	192/12 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình.	600		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.700.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.700.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.700.000đ/tháng.
135	Tiểu học, THCS và THPT Thái Bình Dương	125 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình.	16		x	Trường tư thục, học 2 buổi/ngày. Bán trú Học phí: 10.340.000đ/tháng, Phí bán trú - 4.660.000đ/tháng.
136	Tiểu học, THCS và THPT Việt Mỹ	19A Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình.	60		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 9.660.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 13.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 7.060.000đ/tháng.
137	Hệ trung cấp trong trường Cao đẳng kỹ thuật Lý Tự Trọng	390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình.	3.235		x	Trường công lập. Tin học ứng dụng (65), Thiết kế trang Web (65), Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy tính (85), Lập trình máy tính (85), An ninh mạng (65), Quản trị mạng máy tính (65), Thiết kế đồ họa (90), Thương mại điện tử (50), Đồ họa đa phương tiện (50), Truyền thông và mạng máy tính (50), Tiếng Anh (150), Tiếng Hàn Quốc (50), Tiếng Nhật (35), Kỹ thuật xây dựng (60), Tài chính doanh nghiệp (65), Kế toán doanh nghiệp (65), Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ (65), Logistics (30), Quản trị du lịch MICE (50), Quản trị lễ hành (50), Quản trị khách sạn (35), Nghiệp vụ nhà hàng (35), Công nghệ kỹ thuật cơ khí (90), Công nghệ chế tạo máy (100), Cơ khí chế tạo (100), Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp (65), Cắt gọt kim loại (65), Chế tạo khuôn mẫu (30), Công nghệ ô tô (205), Sửa chữa máy tàu thủy (35), Sửa chữa máy nâng chuyển (50), Công nghệ kỹ thuật nhiệt (65), Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (65), Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh (95), Lắp đặt thiết bị lạnh (75), Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (85), Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động (70), Điện tử công nghiệp (115), Điện công nghiệp (135), Cơ điện tử (85), Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông (85), Công nghệ may (100), May thời trang (65), Công nghệ may Veston (45), Kỹ thuật làm bánh (50). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 15/4/2022.
138	Trung tâm GDNN-GDTX Q. Tân Bình	95/55 Trường Chinh, Phường 12, Quận Tân Bình.	765		x	Thu theo quy định.
QUẬN TÂN PHÚ						
139	THPT Trần Phú (★: 2021)	18 Lê Thúc Hoạch, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú.	810	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
140	THPT Tân Bình (★: 2021)	19 Hoa Bằng, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
141	THPT Tây Thạnh (★: 2020)	27 Đường C2, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú.	900	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
142	THPT Lê Trọng Tấn	5 Đường D2, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
143	Tiểu học, THCS và THPT Tre Việt (tên cũ là Nhân Việt, cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục sau khi đổi tên).	CS 1: 42/39-42/41 Huỳnh Thiện Lộc, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú; CS 2: 26/25M, 26/25N, 26/25P Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn; CS 3: 3/5 và 007 đường TCH 01, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12.	565		x	Trường tư thục. Bán trú. Học phí: 3.260.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.460.000đ/tháng.
144	THPT Minh Đức (★: 2021)	277 Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú.	350		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.450.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.565.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.370.000đ/tháng.
145	THPT Vĩnh Viễn	73/7 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	280		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.400.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.600.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.000.000đ/tháng.
146	THPT Thành Nhân	CS 1: 69/12 Nguyễn Cửu Đàm, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú; CS 2: 34-36-38 Hoa Bằng (số cũ: 69/87-89-91 Nguyễn Cửu Đàm), Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú; CS 3: 313/10 Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp.	530		x	Trường tư thục. Nội trú, bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 2.200.000đ/tháng.
147	THPT Đông Á	108 Lê Thúc Hoạch, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú.	360		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 600.000đ/tháng, Phí bán trú - 300.000đ/tháng.
148	THCS và THPT Khai Minh	410 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú. (Đang thực hiện hồ sơ chuyển địa điểm về 171 Đông Hưng Thuận 2, Phường Tân Hưng Thuận, Quận 12).	300		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.800.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.900.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.200.000đ/tháng.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
149	THCS và THPT Nhân Văn	17 Sơn Kỳ, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	300		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 1.250.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 2.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 1.200.000đ/tháng, Phí bán trú - 500.000đ/tháng.
150	THCS và THPT Trí Đức (★: 2021)	CS 1: Số 5 (số cũ 1333A) Thoai Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú; CS 3: Số 5 đường DC6, KCN Tân Bình, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	665		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.340.000đ/tháng
151	THCS và THPT Hồng Đức	CS 1: Số 38/15-20/28/26 Hồ Đắc Di, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú; CS 2: 118 Nam Hòa, Phường Phước Long A, TP. Thủ Đức.	430		x	Trường tư thục, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.490.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.080.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.300.000đ/tháng.
152	THCS và THPT Trần Cao Vân	CS 1: 126 Tô Hiệu, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú; CS 2: 525 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp; CS 3: 512/22A Thống Nhất, Phường 6, Quận Gò Vấp; CS 4: 88/20/20 Thanh lộc 40, Phường Thanh Lộc, Quận 12.	1.680		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.900.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.700.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.000.000đ/tháng.
153	THCS và THPT Đình Tiên Hoàng	85 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú.	120		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.490.000đ/tháng, Phí nội trú - 2.625.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.394.000đ/tháng.
154	THCS và THPT Nam Việt	CS 1: 25, 21/1-3, 23/7-9 Dương Đức Hiền, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú; CS 2: 17/15B, 11C Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12. CS 3: 599A Lê Văn Thọ, Phường 14, Quận Gò Vấp.	1.400		x	Trường tư thục, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 1.275.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.020.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.735.000đ/tháng.
155	Tiểu học, THCS và THPT Lê Thánh Tông	22 Bò Bao Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	855		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Học phí: 3.090.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.400.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.770.000đ/tháng.
156	Tiểu học, THCS và THPT Tân Phú	519 Kênh Tân Hóa, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú.	400		x	Trường tư thục. Nội trú, Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: 2.500.000đ/tháng, Phí nội trú - 2.100.000đ/tháng, Phí bán trú - 700.000đ/tháng.
157	Tiểu học, THCS và THPT Nam Úc (tên cũ là Quốc Văn Sài Gòn, cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục sau khi đổi tên)	CS 1: 300 Hòa Bình, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú.	385		x	Trường tư thục, học 1 buổi/ngày, học 2 buổi/ngày. Bán trú. Tăng cường tiếng Anh. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 1.500.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 3.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.000.000đ/tháng.
158	Trung tâm GDNN-GDTX Q. Tân Phú	78/2/45, Phan Đình Phùng, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú.	630		x	Thu theo quy định.
159	Hệ GDTX thuộc trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm	247 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú.	500		x	Thu theo quy định.
QUẬN BÌNH THẠNH						
160	THPT Thanh Đa	186 Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh.	495	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
161	THPT Gia Định (★:2020)	44 đường D3, Phường 25, quận Bình Thạnh.	1.000	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày; Tăng cường tiếng Anh. Trong đó có tuyển 6 lớp chuyên (Toán, Lý, Hóa, tiếng Anh, Văn, Tin)-210 học sinh; Có 03 lớp dạy chương trình tích hợp-105 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
162	THPT Phan Đăng Lưu (★: 2021)	27 Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, Quận Bình Thạnh.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
163	THPT Võ Thị Sáu (★: 2021)	95 Đình Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh.	855	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
164	THPT Hoàng Hoa Thám (★:2016)	6 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh.	810	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
165	THPT Trần Văn Giàu (★: 2018)	203/40 đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh.	720	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
166	THPT Sài Gòn	215D-E, 217 No Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh.	300		x	Trường tư thục, học 2 buổi/ngày. Học phí: 1.500.000đ/tháng.
167	Tiểu học, THCS và THPT Mùa Xuân	92 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh.	96		x	Trường tư thục. Bán trú. Học phí: 26.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.737.000đ/tháng.
168	Tiểu học, THCS và THPT Vinschool	CS 1: 720A Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh; CS 2: 2 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1.	600		x	Trường tư thục. Bán trú. Học phí: 8.500.000đ/tháng, Học phí lớp nâng cao - 18.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.000.000đ/tháng.
169	Tiểu học, THCS và THPT Anh Quốc	48 Võ Oanh, Phường 25, Quận Bình Thạnh.	50		x	Trường tư thục, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: 25.675.000đ/tháng, Phí nội trú - 6.300.000đ/tháng, Phí bán trú - 3.115.000đ/tháng.
170	Trung tâm GDNN-GDTX Q. Bình Thạnh	801/19 Tầm Vu, Phường 26, Quận Bình Thạnh.	120		x	Thu theo quy định.
QUẬN PHÚ NHUẬN						

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
171	THPT Phú Nhuận (★: 2021)	5 Hoàng Minh Giám, Phường 9, Quận Phú Nhuận.	825	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Trong đó có 03 lớp dạy chương trình tích hợp-105 học sinh theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
172	THPT Hàn Thuyên (★: 2022)	37 Đặng Văn Ngữ, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	630	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
173	THPT Quốc tế Việt Úc	184/7 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	90		x	Trường công lập. Tuyển sinh riêng. Liên kết đào tạo quốc tế, xét tuyển tiếng Anh. Học phí: 18.500.000 đồng/hs/tháng.
174	Tiểu học, THCS và THPT Quốc Tế (★★: 2021)	305 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	30		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Dạy tăng cường tiếng Anh. Học phí: 15.567.000đ/tháng, Phí nội trú - 13.748.000đ/tháng; Phí bán trú - 4.602.000đ/tháng.
175	THPT Hưng Đạo	120/29/24 Thích Quảng Đức, Phường 4, Quận Phú Nhuận.	150		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 1.200.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 1.800.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.000.000đ/tháng.
176	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Phú Nhuận	164 Nguyễn Đình Chính, Phường 11, Quận Phú Nhuận.	250		x	Thu theo quy định.
QUẬN GÒ VẤP						
177	THPT Gò Vấp	90A Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, Quận Gò Vấp.	585	x		Trường công lập (*).
178	THPT Nguyễn Công Trứ (★: 2022)	97 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp.	855	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày; tăng cường tiếng Anh
179	THPT Trần Hưng Đạo (★:2020)	88/955E Lê Đức Thọ, Phường 6, Quận Gò Vấp.	900	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày; tăng cường tiếng Anh
180	THPT Nguyễn Trung Trục (★:2016)	9/168 Đường Lê Đức Thọ, Phường 15, Quận Gò Vấp.	900	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
181	Trường Phổ thông Dân lập Hermann Gmeiner	697 Tân Sơn, Phường 12, Quận Gò Vấp.	135		x	Trường dân lập, học 1 buổi/ngày, học 2 buổi/ngày. Bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 800.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 700.000đ/tháng, Phí bán trú - 800.000đ/tháng.
182	THPT Việt Nhật	371 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp.	150		x	Trường tư thực. Nội trú, bán trú. Học phí: 3.300.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.200.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.600.000đ/tháng.
183	THPT Lý Thái Tổ	CS 1: 1/22/2A Nguyễn Oanh, Phường 6, Quận Gò Vấp; CS 2: 54/5C Phạm Văn Chiêu, Phường 14, Quận Gò Vấp.	350		x	Trường tư thực, học 1 buổi/ngày, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: Học 1 buổi/ngày - 850.000đ/tháng, Học 2 buổi/ngày - 1.400.000đ/tháng, Phí nội trú - 1.800.000đ/tháng, Phí bán trú - 600.000đ/tháng.
184	THCS và THPT Hồng Hà (★:2018)	CS 1: 170 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp; CS 2: 342Bis Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình; CS 3: 14A Đường số 1, Phường 16, Quận Gò Vấp.	1.000		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.890.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.070.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.115.000đ/tháng.
185	THCS và THPT Phạm Ngũ Lão	26 BC đường Phan Văn Trị, Phường 7, Quận Gò Vấp.	432		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú Học phí: 1.600.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.600.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.500.000đ/tháng.
186	Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Tri Phương	112/48 Bùi Quang Là, Phường 12, Quận Gò Vấp.	100		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.900.000đ/tháng, Phí nội trú - 5.000.000đ/tháng, Phí bán trú - 2.500.000đ/tháng.
187	Tiểu học, THCS và THPT Nam Mỹ	CS 2: 80/68 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp; CS 1: 45 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1 (Văn phòng tuyển sinh)	80		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh. Bán trú. Học phí: 21.852.000đ/tháng.
188	Tiểu học, THCS và THPT Sài Gòn - Gia Định	514 Lê Quang Định, Phường 1, Quận Gò Vấp.	360		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.000.000đ/tháng, Phí nội trú - 800.000đ/tháng, Phí bán trú - 400.000đ/tháng.
189	Tiểu học và THCS và THPT Việt Anh	CS 1: 160/72 Phan Huy Ích, Phường 12, Quận Gò Vấp; CS 2: 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận.	200		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 13.872.000đ/tháng, Phí nội trú - 19.410.000đ/tháng, Phí bán trú - 16.956.000đ/tháng.
190	Trung tâm GDNN-GDTX Q. Gò Vấp	453 Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp.	360		x	Thu theo quy định.
QUẬN BÌNH TÂN						
191	THPT An Lạc	595 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.	675	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày; Tăng cường tiếng Anh.
192	THPT Vĩnh Lộc (★:2021)	87 Đường số 3, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
193	THPT Nguyễn Hữu Cánh (★:2021)	845 Hương Lộ 2, Phường Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
194	THPT Bình Hưng Hòa (★★:2021)	79/19 Đường số 4, KP 7, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân.	720	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
195	THPT Bình Tân (★:2022)	117/4H Hồ Văn Long, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân.	720	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
196	THPT Phú Lâm	721 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân. (Cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	450		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 1.550.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.100.000đ/tháng.
197	THPT Trần Nhân Tông	200 Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân.	300		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.890.000đ/tháng, Phí nội trú - 4.130.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.160.000đ/tháng.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
198	THCS và THPT Phan Châu Trinh	12 đường 23, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân.	800		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 2.300.000đ/tháng, Phí nội trú - 3.120.000đ/tháng, Phí bán trú - 1.060.000đ/tháng.
199	THCS và THPT Ngôi Sao	Đường số 18, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân.	160		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 5.360.000đ/tháng, Phí nội trú - 7.360.000đ/tháng, Phí bán trú - 5.810.000đ/tháng.
200	Tiểu học, THCS và THPT Trí Tuệ Việt	79 đường số 3, KDC Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân	70		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 3.500.000đ/tháng, Phí bán trú - 500.000đ/tháng.
201	Tiểu học, THCS và THPT Chu Văn An	07 Đường số 1, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân.	210		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Học phí: 1.795.000đ/tháng, Phí nội trú - 900.000đ/tháng, Phí bán trú - 500.000đ/tháng.
202	Trung tâm GDNN-GDTX Quận Bình Tân	1014/88/5 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân.	350		x	Thu theo quy định.
HUYỆN CÚ CHI						
203	THPT An Nhơn Tây (★ ★:2020)	227, tỉnh lộ 7, Xã An Nhơn Tây, Huyện Củ Chi.	720	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
204	THPT Củ Chi (★ ★:2020)	Tỉnh lộ 8, Khu phố 1 Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi.	765	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
205	THPT Quang Trung (★ ★:2020)	Tỉnh Lộ 7, Ấp Phước An, Xã Phước Thạnh, Huyện Củ Chi	675	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
206	THPT Trung Phú (★ ★:2020)	1318 tỉnh lộ 8, Ấp 12, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi.	765	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
207	THPT Trung Lập (★ ★:2020)	91/3 đường Trung Lập, Xã Trung Lập Thượng, Huyện Củ Chi.	540	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
208	THPT Phú Hòa (★ ★:2020)	Ấp Phú Lợi, Xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi.	540	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
209	THPT Tân Thông Hội (★ ★:2020)	đường Suối Lội, Ấp Bàu Sim, Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi.	585	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
210	THPT Chiến Thắng (tên cũ là trường THPT Đông Đô, cơ sở đang xin cấp phép hoạt động giáo dục).	83A Bùi Thị He, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi.	450		x	Trường tư thực. Bán trú. Học phí: 3.000.000đ/tháng
211	Trung tâm GDNN-GDTX H. Củ Chi	Khu phố 3 Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi.	480		x	Thu theo quy định.
HUYỆN HÓC MÔN						
212	THPT Lý Thường Kiệt (★ ★:2020)	Đường Nam Thới 2, Xã Thới Tam Thôn, H. Hóc Môn.	495	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
213	THPT Nguyễn Hữu Cầu (★ ★:2020)	07 Nguyễn Anh Thủ, Xã Trung Chánh, Huyện Hóc Môn.	630	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày, tăng cường tiếng Anh.
214	THPT Bà Điểm (★ ★:2020)	07 Nguyễn Thị Sóc, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn.	630	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
215	THPT Nguyễn Văn Cừ (★ ★:2020)	100A Nguyễn Văn Bứa, Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn.	585	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
216	THPT Nguyễn Hữu Tiến (★: 2022)	9A ấp 7, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn.	495	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
217	THPT Phạm Văn Sáng (★ ★:2020)	26/1C ấp 3, Xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn.	630	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
218	THPT Hồ Thị Bí	Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn.	765	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
219	Trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	146 Đỗ Văn Dậy, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn.	1.090		x	Trường công lập. Điện công nghiệp và dân dụng (50), Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính (80), Kế toán doanh nghiệp (60), Tài chính ngân hàng (30), Công nghệ kỹ thuật cơ khí (60), Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông (60), Công nghệ kỹ thuật nhiệt (100), Bảo trì và sửa chữa ô tô (140), Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp (100), Hướng dẫn du lịch (50), Kinh doanh thương mại và du lịch (50), Công nghệ kỹ thuật điều khiển tự động (50), Tiếng Anh (50), Tin học ứng dụng (75), Công nghệ thông tin (75), Quản lý tòa nhà (30), Điện - nước (30). Học phí: Theo quy định. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 01/3/2022.
220	Trung tâm GDNN-GDTX H. Hóc Môn	65 Đỗ Văn Dậy, Xã Tân Hiệp, Huyện Hóc Môn.	540		x	Thu theo quy định.
221	Trung tâm GDTX Thanh Niên Xung Phong	189E Đặng Công Bình, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn.	600		x	Thu theo quy định.
HUYỆN BÌNH CHÁNH						
222	THPT Bình Chánh (★ ★:2020)	D17/1D Huỳnh Văn Trí, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh.	900	x		Trường công lập (*); tăng cường tiếng Anh.
223	THPT Đa Phước (★:2020)	D14/410A QL50, Xã Đa Phước, Huyện Bình Chánh.	765	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
224	THPT Lê Minh Xuân (★:2020)	G11/1 ấp 7, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh.	720	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
225	THPT Tân Túc (★ ★:2020)	C1/3K Bùi Thanh Khiết, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh.	765	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
226	THPT Vĩnh Lộc B (★ ★:2020)	Đường số 3, KDC Vĩnh Lộc B, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh.	855	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
227	THPT Phong Phú	Đường D3, KDC Phong Phú 4, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh.	1.035	x		Trường công lập (*); học 2 buổi/ngày.
228	THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	Ấp 1, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh.	750	x		Trường năng khiếu Thể dục thể thao (*); học 2 buổi/ngày. Trong đó có 01 lớp năng khiếu TDTT - 30 học sinh.
229	Tiểu học, THCS và THPT Quốc tế Bắc Mỹ	KDC Him Lam, Khu chức năng 6A-Đô thị mới Nam Thành phố, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh.	40		x	Trường tư thực, học 2 buổi/ngày. Nội trú. Bán trú. Dạy chương trình tích hợp Tổ chức Tú tài Quốc tế theo Quyết định số 586/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phí: 53.000.000đ/tháng, Phí nội trú -10.000.000đ/tháng; Phí bán trú - 1.800.000đ/tháng.

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Chỉ tiêu (khả năng tiếp nhận)	Phương thức		Ghi chú
				Thi tuyển	Xét tuyển	
						(*): Các trường loại hình công lập và trường thực hiện chương trình chất lượng cao "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế" thực hiện mức học phí trong năm học 2022-2023 theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và các văn bản quy định hướng dẫn thu chi các khoản thu khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định.
230	Tiểu học, THCS và THPT Albert Einstein	16 đường số 12, KDC 13C, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh.	75		x	Trường tư thực. Nội trú, Bán trú. Day chương trình tích hợp Trường Haileybury bang Victoria, Úc theo Quyết định số 627/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phí: 20.276.000đ/tháng.
231	Trung tâm GDNN-GDTX H. Bình Chánh	4 đường số 6, Khu Hành chính huyện Bình Chánh, Huyện Bình Chánh.	500		x	Thu theo quy định.
HUYỆN NHÀ BÈ						
232	THPT Long Thới	280 Nguyễn Văn Tạo, ấp 2, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè.	360	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
233	THPT Phước Kiển (★★:2020)	1163 Lê Văn Lương, ấp 3, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè.	630	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
234	THPT Dương Văn Dương (★★:2020)	39 đường số 6, KDC Phú Gia, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè.	585	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
235	Trung tâm GDNN-GDTX H. Nhà Bè	189 Nguyễn Văn Tạo, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè.	90		x	Thu theo quy định.
HUYỆN CẦN GIỜ						
236	THPT Bình Khánh (★★:2020)	đường Rừng Sát, ấp Bình An, Xã Bình Khánh, Huyện Cần Giờ.	360	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
237	THPT Cần Thạnh (★★:2020)	346 đường Duyên Hải, Thị trấn Cần Thạnh, Huyện Cần Giờ.	405	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
238	THPT An Nghĩa (★★:2020)	Ấp An Nghĩa, Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ.	405	x		Trường công lập (*), học 2 buổi/ngày.
239	THCS và THPT Thạnh An	Xã Thạnh An, Huyện Cần Giờ.	80	x		Trường công lập (*).
240	Trung tâm GDNN-GDTX H. Cần Giờ	Đường Trần Quang Quờn, Xã Bình Khánh, Huyện Cần Giờ.	50		x	Thu theo quy định.

Ghi chú: (★: năm) Trường đã được kiểm định chất lượng giáo dục năm, (★★: năm) Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia năm.

Mọi chi tiết cần biết xin liên hệ với trường trung học cơ sở nơi đang theo học, các trường có tuyển sinh nêu trên và thông tin trên website tại địa chỉ <https://gis.hcm.edu.vn/>

Lưu ý: Các trường loại hình tư thực chỉ được tổ chức và hoạt động tại những cơ sở (địa điểm) đảm bảo đủ các điều kiện cơ sở vật chất và đã được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp quyết định cho phép hoạt động giáo dục. Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh trên trang thông tin tuyển sinh các trường loại hình tư thực nêu trên chỉ là dự kiến. Tất cả các cơ sở giáo dục phải khắc phục, đáp ứng đầy đủ các điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện tổ chức hoạt động khác, Sở Giáo dục và Đào tạo mới xem xét và có Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh chính thức. (Danh sách các cơ sở giáo dục chưa đáp ứng điều kiện bao gồm THCS và THPT Đào Duy Anh; THPT Đông Dương, THPT Thăng Long; THCS và THPT Hàn Việt; THCS và THPT Phan Bội Châu; Tiểu học,THCS và THPT Úc Châu; Tiểu học, THCS và THPT Tre Việt; THCS và THPT Khai Minh; Tiểu học, THCS và THPT Nam Úc; THPT Phú Lâm; THPT Chiến Thắng; Tiểu học, THCS và THPT Tây Úc; Tiểu học, THCS và THPT Bắc Mỹ; Tiểu học, THCS và THPT Mùa Xuân). Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường tổ chức thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định, không được vượt quá chỉ tiêu kèm theo Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023 do Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành.